

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/DS-PT
Ngày: 22-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Uẩn

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Nhữn;

Bà Trần Thị Thanh Thúy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 442/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 756/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông Trần Thanh H, sinh năm 1989;

2.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn, ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T.

(Tất cả có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Bé S trình bày:

Năm 2021 bà Nguyễn Thị Bé S có cho ông Trần Thanh H vay nhiều lần với số tiền 280.000.000đ, từng lần vay đều có làm biên nhận nợ, ông H vay tiền nói là lương của vợ không đủ sống nên vay về mua thuốc cho con bị bệnh và làm ăn để phụ vợ. Đến ngày 01/10/2021, ông H có viết cam kết trả mỗi tháng 2.000.000đ nhưng ông Trần Thanh H sau đó không thực hiện đúng như lời hứa, có tháng trả 2.000.000đ, có tháng trả 1.000.000đ và trả được 101.200.000đ rồi ngưng không trả nữa. Nay bà S yêu cầu ông Trần Thanh H cùng vợ là bà Nguyễn Thị Mỹ T, phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ 178.800.000đ, không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn ông Trần Thanh H trình bày:* Ông H thừa nhận có vay của bà S với tổng số tiền 280.000.000đ hai bên có làm biên nhận nợ và đã trả dần cho bà Nguyễn Thị Bé S được 101.200.000đ, còn nợ lại số tiền là 178.800.000đ. Do làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả lại cho bà S được. Nay ông H xin trả dần mỗi tháng trả 2.500.000đ cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2023/DS-ST ngày 18/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé S đối với ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Buộc ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bé S số tiền nợ gốc còn lại là: 178.800.000đ (Một trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.940.000đ (Tám triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Bé S không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.675.000đ (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008607 ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 02/10/2023, bị đơn ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T nộp đơn kháng cáo, không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng qui định về thủ tục tố tụng. Kháng cáo của ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về số tiền nợ: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H thừa nhận vay tổng cộng 270.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi thỏa thuận với bà S là 10.000.000 đồng, ông H đã trả 101.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ lại 169.000.000 đồng nợ gốc. Phần 10.000.000 đồng lãi ông H xin bà S bớt không tính, nhưng không được bà S đồng ý.

Về số tiền lãi đã trả: Ông H khai đã trả lãi 81.000.000 đồng, bà S không thừa nhận. Ông H cũng không có giấy tờ gì chứng minh là đã có trả cho bà S số tiền trên.

Về trách nhiệm liên đới: Ông H và bà T thừa nhận là vợ chồng chính thức. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H khai vay tiền để đáo hạn ngân hàng, sinh hoạt chung và lo cho gia đình, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H cùng bà T liên đới hoàn trả tiền vay cho bà S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé S: Bà Nguyễn Thị Bé S yêu cầu ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T liên đới trả số tiền nợ 178.800.000 đồng còn thiếu.

[3] Nội dung quyết định của án sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé S đối với ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T. Buộc ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bé S số tiền nợ gốc còn lại là: 178.800.000 đồng.

[4] Nội dung kháng cáo: Sau khi án sơ thẩm tuyên, ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T kháng cáo.

[4.1] Ông Trần Thanh H kháng cáo, với lý do: Ông chỉ còn thiếu nợ bà S 169.000.000 đồng. Ông đã trả lãi cho bà S 81.000.000 tiền lãi là quá cao. Đồng thời ông chỉ yêu cầu trả một mình vì ông vay nợ để cò bạc và chơi chứng khoán, không có đem về phục vụ cho gia đình.

[4.2] Bà Nguyễn Thị Mỹ T nộp đơn kháng cáo, không đồng ý liên đới cùng với ông Trần Thanh H để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bé S. Với lý do: Ông H vay nợ riêng để chi tiêu cá nhân và cò bạc, không mang tiền về phục vụ cho gia đình, bà không biết gì về các khoản nợ này của ông H.

[5] Về số tiền nợ: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H khai: Vay tổng cộng 270.000.000 đồng, đã trả 101.000.000 đồng, còn nợ lại 169.000.000 đồng. Bà S khai: Vay 270.000.000 đồng gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi của các lần nợ trước còn thiếu, tổng cộng 280.000.000 đồng, đã trả 101.200.000 đồng, còn nợ lại 178.800.000 đồng. Đối chiếu với các giấy tờ nhận nợ và trả nợ do hai bên cung cấp và đối chất tại phiên tòa thì: Số tiền ông H vay 270.000.000 đồng + 10.000.000 đồng tiền lãi của các khoản vay trước đây, đã trả 101.200.000 đồng, còn nợ lại là 178.800.000 đồng. Ông H xin bà S bớt 10.000.000 đồng tiền lãi, bà S không đồng ý. Do đó, cần xác định số tiền gốc mà ông H còn nợ là 178.800.000 đồng, như ông H đã thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm.

[6] Về số tiền trả lãi: Ông H khai đã trả lãi 81.000.000 đồng, bà S không thừa nhận. Ông H cũng không có giấy tờ gì chứng minh. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H về phần tiền lãi đã trả.

[7] Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng: 1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này. 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

[8] Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; 3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; 4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình; 5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật Dân sự thì cha mẹ phải bồi thường; 6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.

[9] Về trách nhiệm liên đới: Xét thấy, ông H và bà T thừa nhận là vợ chồng chính thức. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H khai vay tiền để đáo hạn ngân hàng, sinh hoạt chung và lo cho gia đình, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H cùng bà T liên đới hoàn trả tiền vay cho bà S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn

nhân và gia đình. Ông H kháng cáo thay đổi lời khai, nhưng không có gì chứng minh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H và bà T cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[10] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[11] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé S đối với ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Buộc ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bé S số tiền nợ gốc còn lại là: 178.800.000đ (một trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.940.000đ (tám triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Bé S không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.675.000 đ (bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008607 ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần Thanh H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008641 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Ông Trần Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Trần Thị Mỹ T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008642 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Bà Trần Thị Mỹ T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Văn Uẩn